

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 16/01/2023.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn L

Bà Nguyễn Thị L

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 và QĐ hoãn phiên tòa số 16/QĐ - HPT ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT tại: SN 03/542 đường N, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Tạm trú tại: SN 31/540 đường N, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc T - Sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: SN 03/542 đường N, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị Ngà, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc T chung sống với nhau năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, nhưng mãi đến năm 2003 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại

UBND phường P, thành phố T. Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 8 năm, thì đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã to tiếng xúc phạm với nhau. Cuối năm 2014, vì điều kiện kinh tế khó khăn chị đã làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để kiếm tiền gửi về nuôi con ăn học, còn anh T vẫn tiếp tục ở nhà lao động tự do và kể từ đó vợ chồng không còn liên quan đến nhau nữa. Hiện nay, chị N đã hết thời hạn lao động tại Đài Loan, đến T5/2022 chị quay trở về Việt Nam và sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 31/540 N, phường P, thành phố T.

Nay chị Trần Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Ngọc T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố T giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L sinh ngày 05/8/1997 và cháu Lê Đức A sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay hai cháu đã thành niên và có gia đình riêng ổn định, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai của bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày:**

Anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nên tình cảm vợ chồng xa cách nhau và trong cuộc sống bất đồng quan điểm và anh đã làm đơn ly hôn vào khoảng năm 2009, sau đó anh lại đưa chị N về chung sống cùng nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2022 chị N đi xuất khẩu lao động về nước và chung sống cùng anh, nhưng thường xuyên đi chơi đàn đúm với những đối tượng bỏ chồng, anh khuyên ngăn thì vợ chồng lại xảy ra to tiếng rồi chị Ngà bỏ về bên ngoại ở và làm đơn xin ly hôn anh. Nay anh xét thấy tình cảm khó có thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh vẫn không đồng ý ly hôn vì thương con nên anh níu kéo tình cảm và quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L sinh ngày 05/8/1997 và cháu Lê Đức A sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay hai cháu đã thành niên và có gia đình riêng ổn định, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc T. Về con cái: Công nhận cháu Lê Thị Hoài L sinh ngày 05/8/1997 và cháu Lê Đức A sinh ngày 19/3/2002 là con chung của chị N và anh T. Hiện nay hai cháu đã thành niên và có gia đình riêng ổn định, nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Lê Ngọc T. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn là anh Lê Ngọc T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]**Về hôn nhân:** Chị Trần Thị N và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đều thừa nhận luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, sống không có tình cảm và hạnh phúc, nên chị N đi lao động xuất khẩu từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc và sống ly thân từ năm 2014 đến nay, nhưng vì thương con anh không đồng ý ly hôn, còn nếu chị N không chấp nhận thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn của chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc, nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc T.

[3] **Về con chung:** Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L sinh ngày 05/8/1997 và cháu Lê Đức A sinh ngày 19/3/2002. Hiện nay hai cháu đã thành niên và có gia đình riêng ổn định, nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] **Về tài sản và công nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:Xử: Cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Thị Hoài L sinh ngày 05/8/1997 và cháu Lê Đức A sinh ngày 19/3/2002 là con chung của chị N và anh T. Hiện nay các cháu đã thành niên và có gia đình riêng ổn định, nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002555 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị Ngà đã nộp đủ án phí DSST).

Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường P, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

Nguyễn Thị Lan A

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Luận

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Lan Anh

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường P, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

Nguyễn Thị Lan Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Kiếm

Mai Thị Tiếp

Nguyễn Thị Lan Anh

